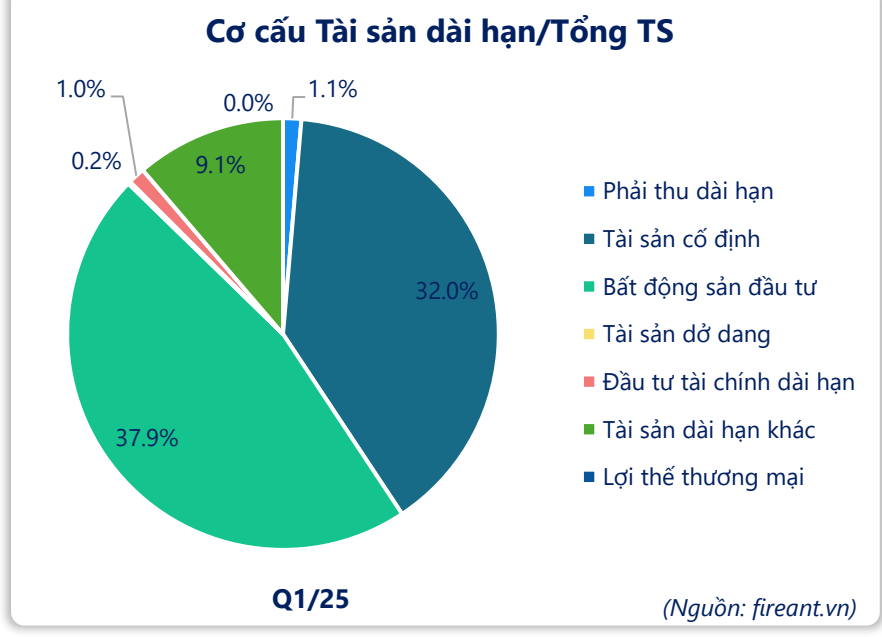
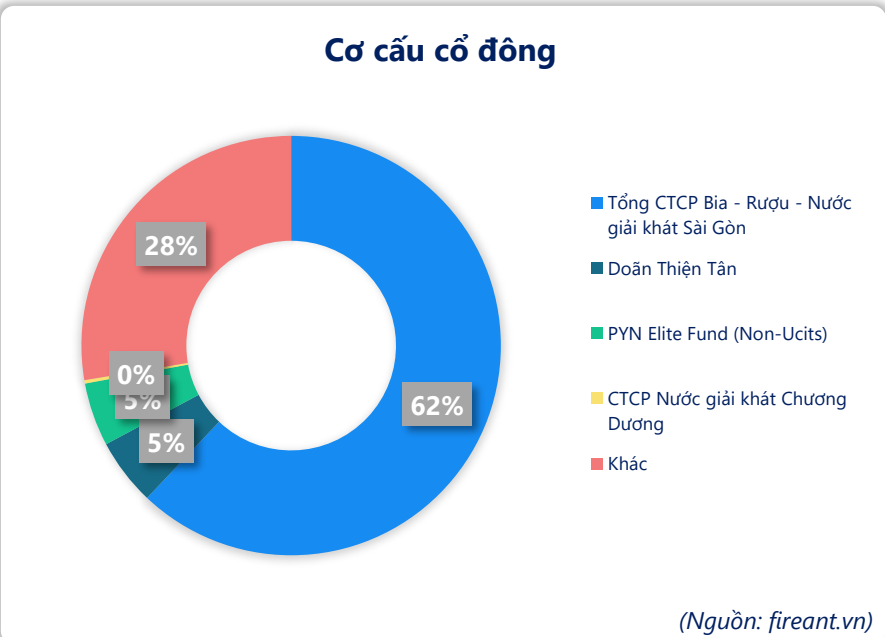
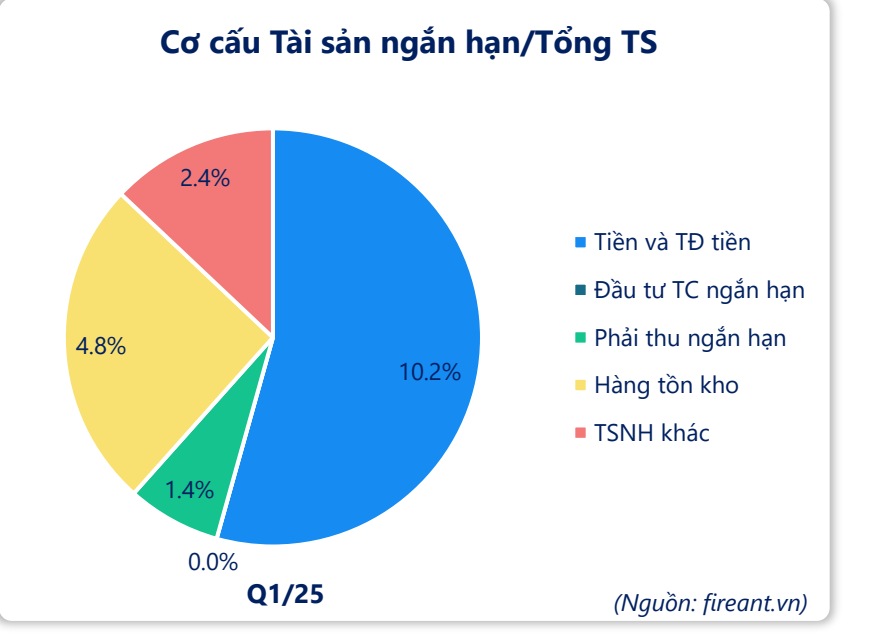
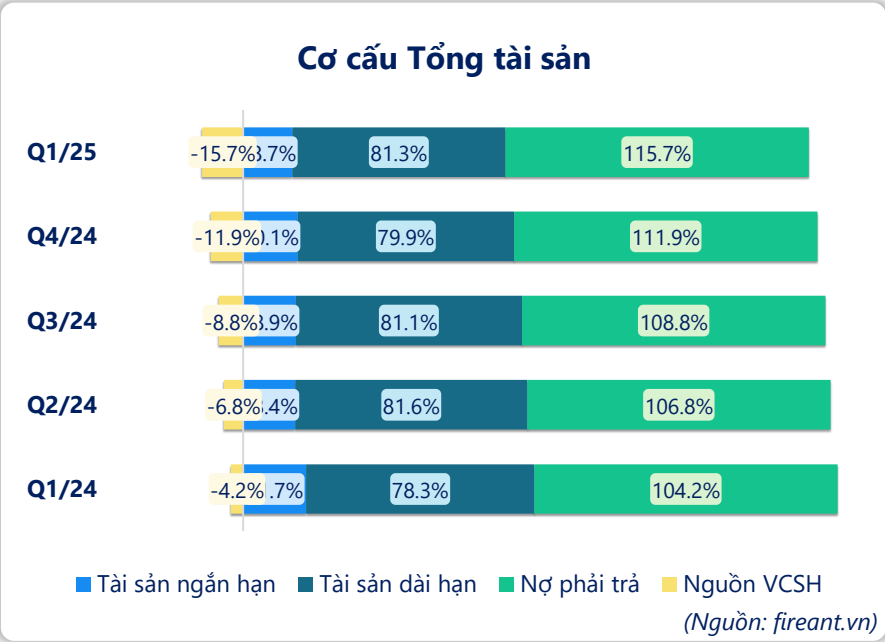
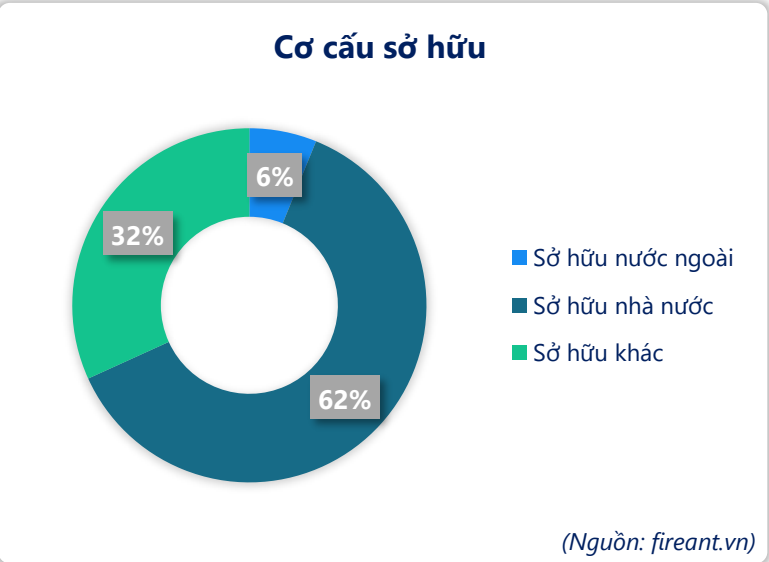
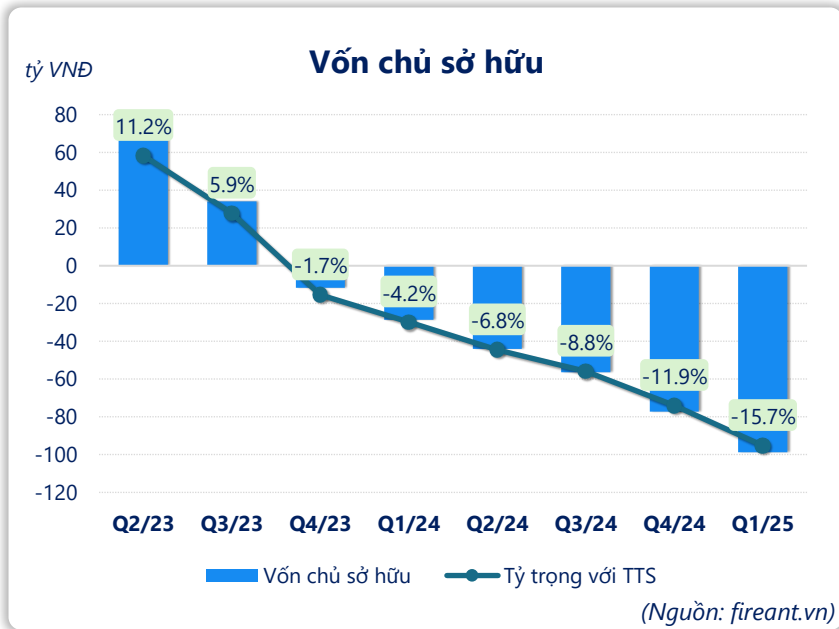
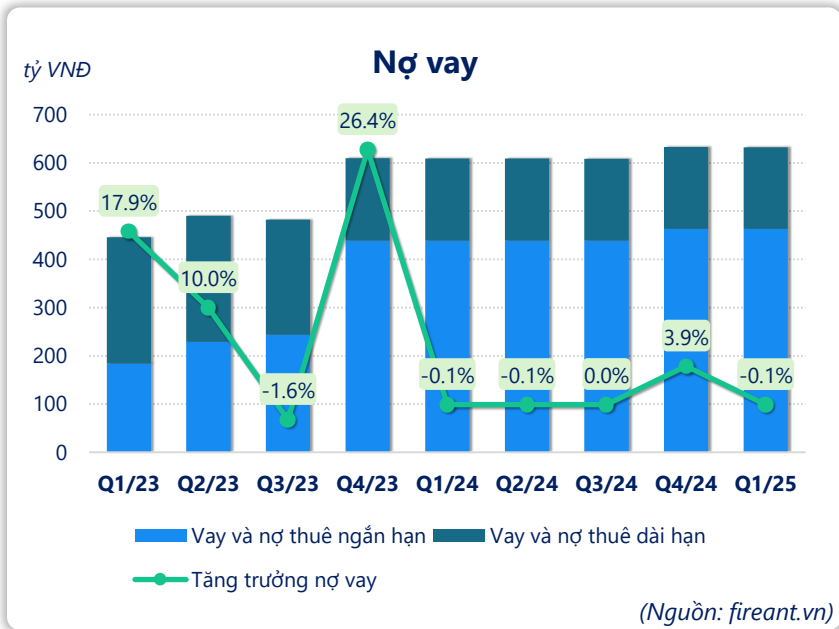
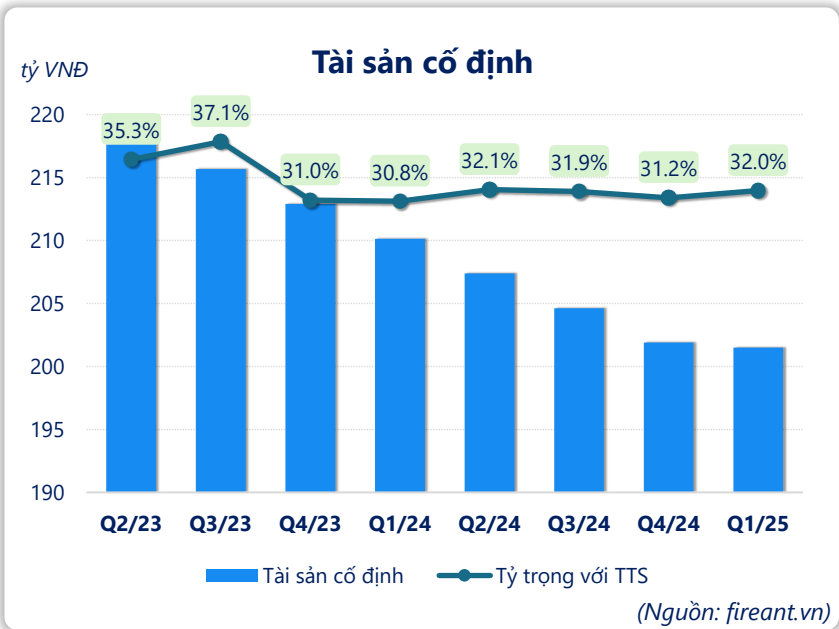
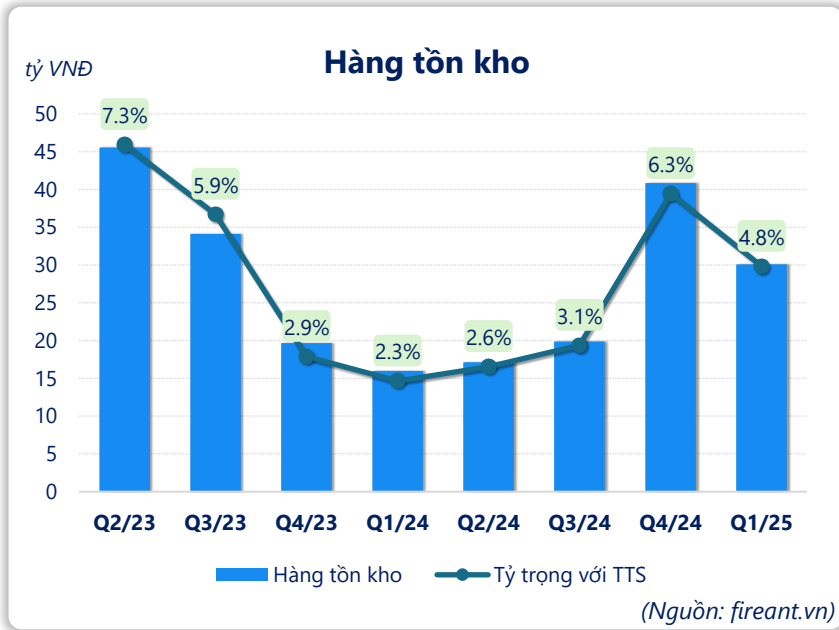
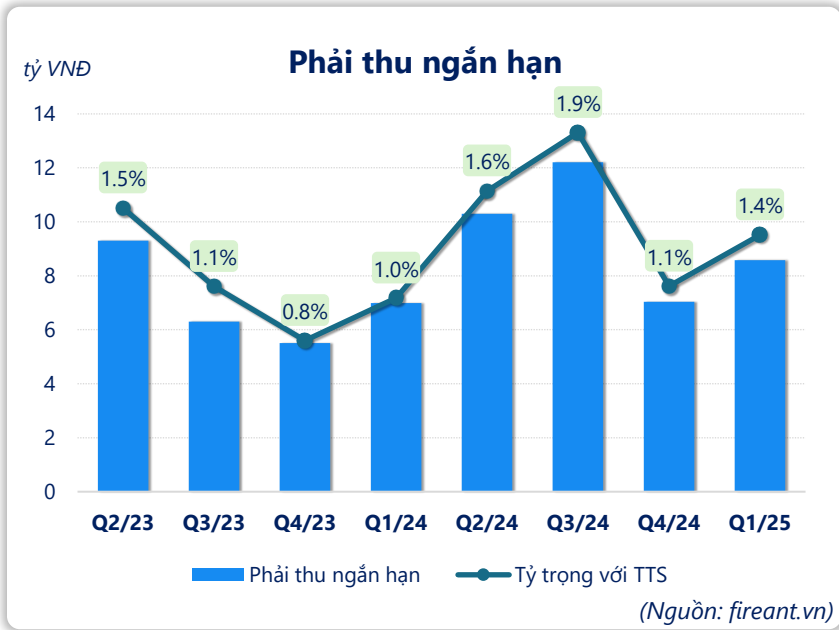
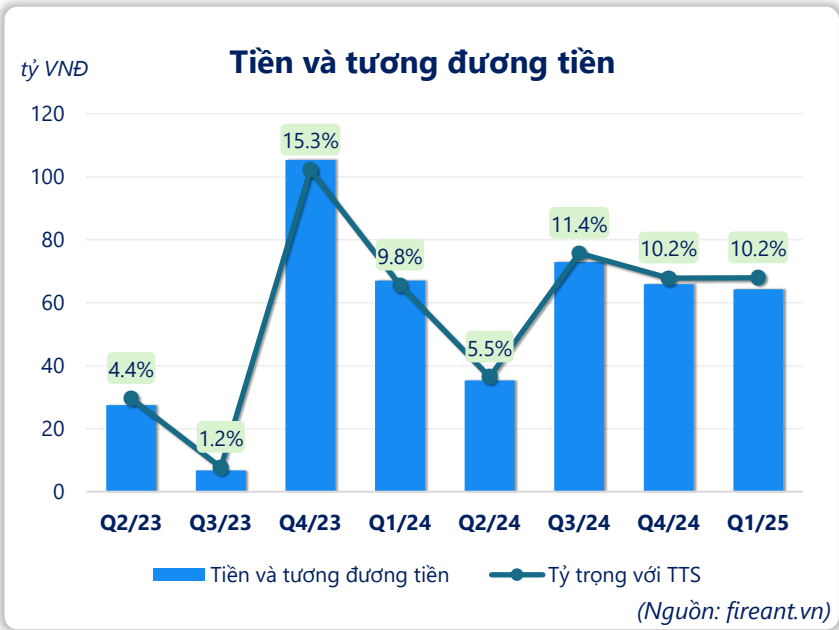
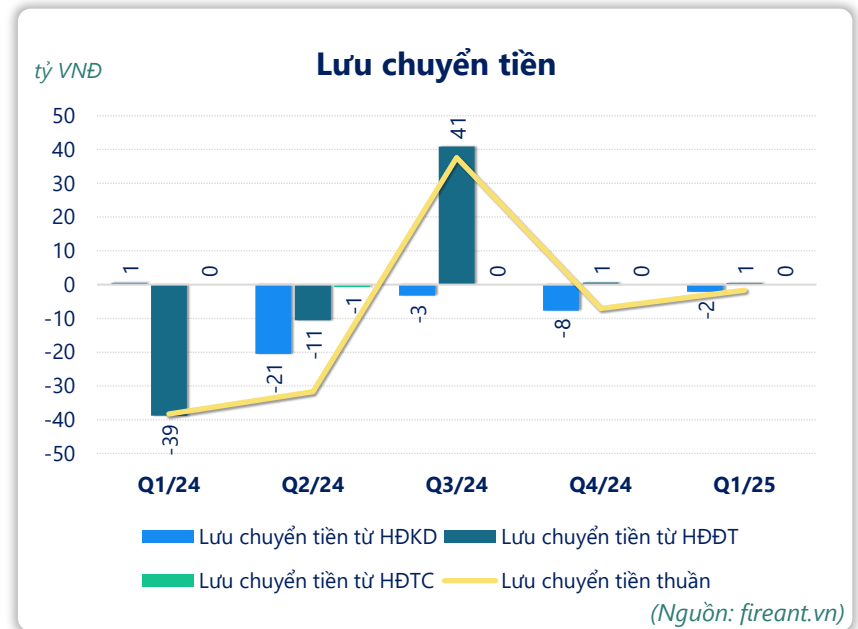
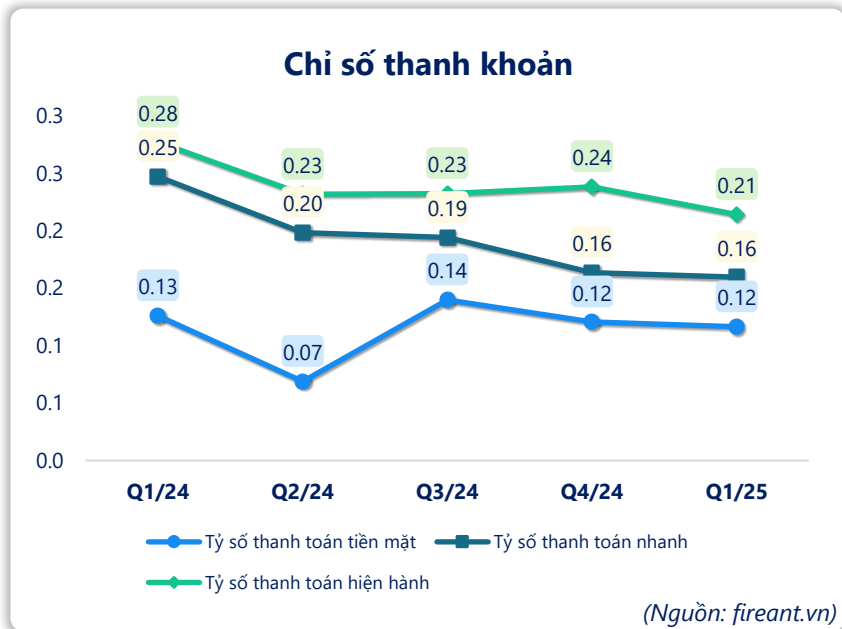
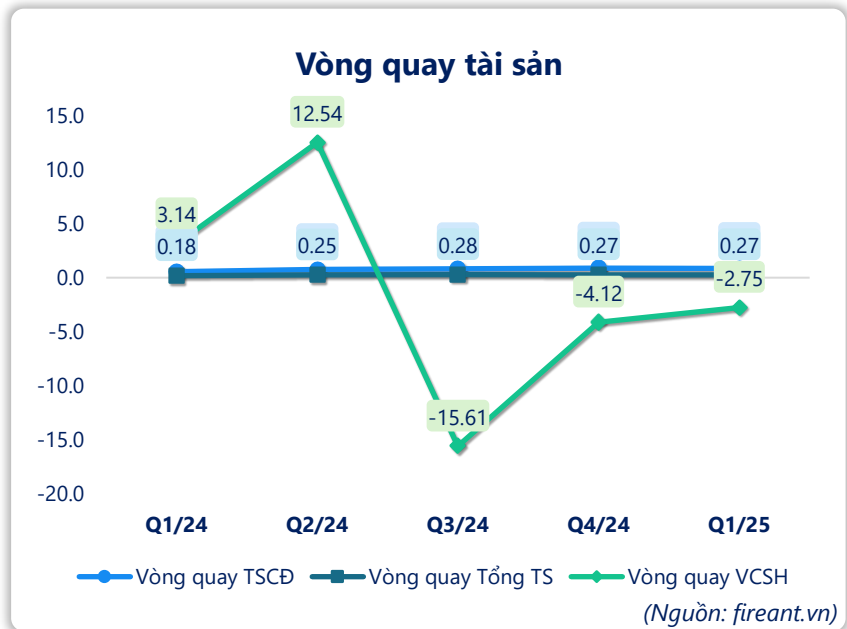
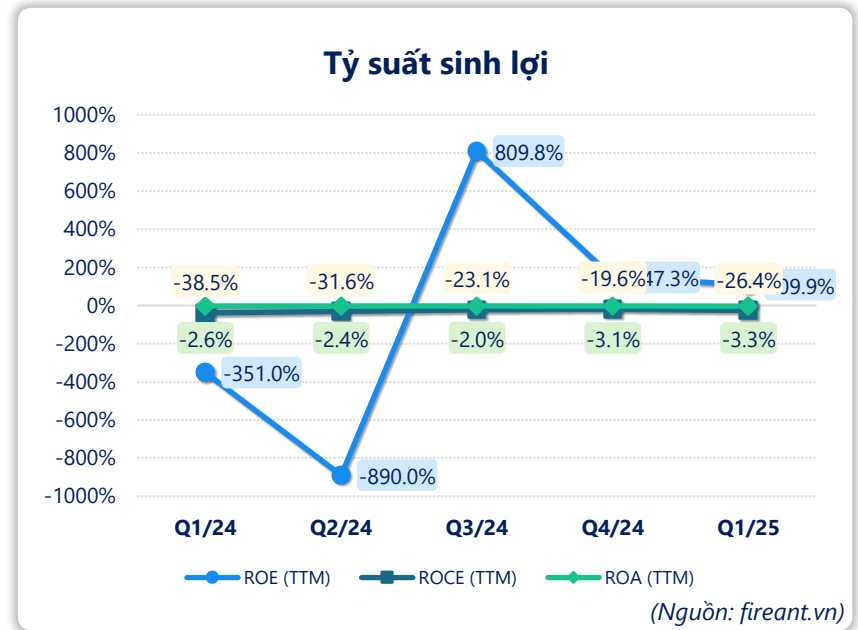
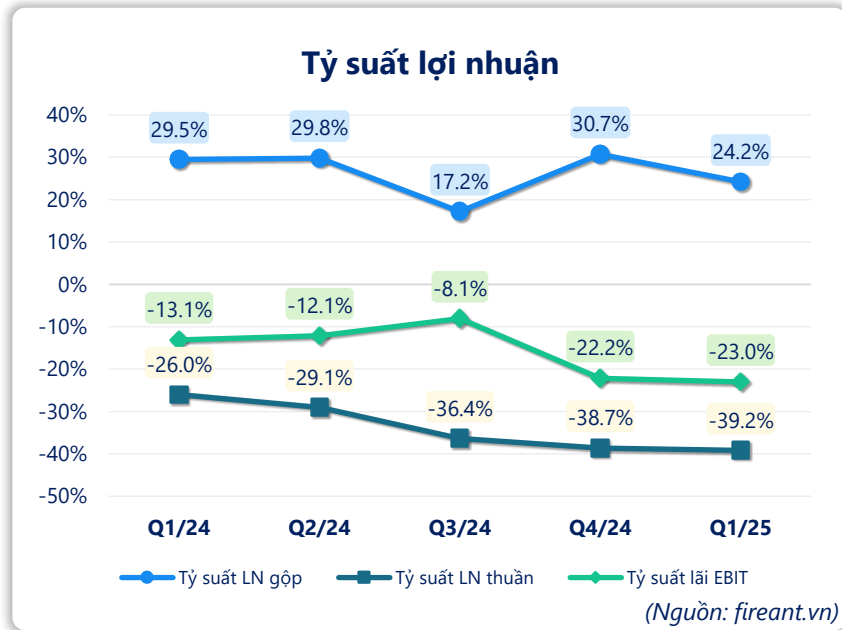
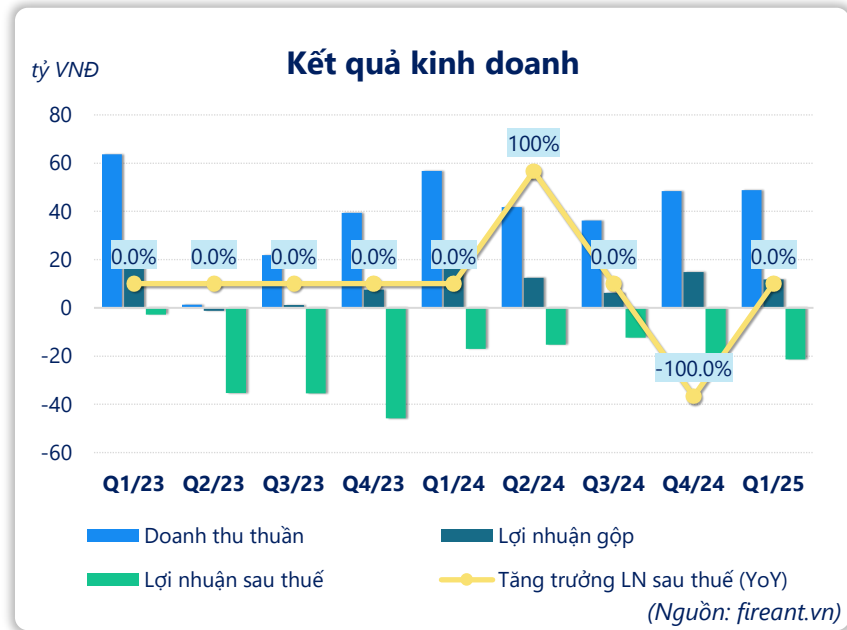


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		
SL cổ phiếu LH		8,477,640
KLGD BQ 20 phiên (CP)		325
% sở hữu nước ngoài		6.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		140
P/E		-2.0
EPS		-8,264

	YTD	1T	3T	6T
SCD	15.4%	10.0%	15.4%	-2.4%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	631	647	-2.5%
Tài sản ngắn hạn	118	130	-9.2%
Tiền và tương đương tiền	64.3	65.9	-2.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8.57	7.04	21.8%
Hàng tồn kho	30.1	40.9	-26.4%
Tài sản ngắn hạn khác	15.3	16.4	-6.8%
Tài sản dài hạn	512	517	-0.9%
Phải thu dài hạn	7.00	7.00	0.0%
Tài sản cố định	202	202	-0.2%
Bất động sản đầu tư	239	241	-1.1%
Tài sản dở dang	0.97	2.24	-56.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.50	6.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	57.7	58.0	-0.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	729	724	0.7%
Nợ ngắn hạn	552	547	1.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	463	463	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	32.7	41.9	-21.9%
Nợ dài hạn	177	178	-0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	169	169	-0.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-98.8	-77.3	-27.7%
Vốn chủ sở hữu	-98.8	-77.3	-27.7%
Vốn điều lệ	85.0	85.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	56.8	41.8	36.2	48.4	48.8
Giá vốn hàng bán	40.1	29.3	30.0	33.6	37.0
Lợi nhuận gộp	16.7	12.5	6.23	14.9	11.8
Doanh thu HĐTC	1.14	0.52	0.70	0.64	0.59
Chi phí TC	9.93	10.1	10.1	10.3	10.3
Chi phí lãi vay	9.93	10.1	10.1	10.3	10.3
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	17.6	11.9	3.83	16.5	17.0
Chi phí QLDN	5.08	3.09	6.13	7.35	4.23
LN thuần từ HĐKD	-14.8	-12.1	-13.2	-18.7	-19.1
Lợi nhuận khác	-2.57	-3.02	0.10	-2.35	-2.46
LN trước thuế	-17.4	-15.2	-13.1	-21.1	-21.6
Lợi nhuận sau thuế	-17.0	-15.3	-12.4	-20.9	-21.4
LNST của CĐ cty mẹ	-17.0	-15.3	-12.4	-20.9	-21.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.51	-20.5	-3.31	-7.69	-2.17
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-38.8	-10.6	40.9	0.62	0.55
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-0.64	0	0	0
Tiền đầu kỳ	105	67.1	35.3	72.9	65.9
Lưu chuyển tiền thuần	-38.3	-31.7	37.6	-7.08	-1.62
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	67.1	35.3	72.9	65.9	64.3

(Nguồn: fireant.vn)